

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2026/TLST- KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH M (sau viết tắt Công ty M).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng H, Số A ngõ A T, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Công S – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M: Công ty L; địa chỉ: Tầng A và B, Lô E đường M, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T – Nhân viên.

- *Bị đơn:*

+ Công ty Cổ phần A (sau viết tắt Công ty A).

Địa chỉ trụ sở chính: Km 15 Đại Lộ T, thôn Q, xã V, huyện H, thành phố

Hà Nội (nay là Km 15 Đại Lộ T, thôn Q, xã A, thành phố Hà Nội)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T1 – Giám đốc;

Người đại diện ủy quyền của Công ty Cổ phần A: Ông Nguyễn Đắc T2, sinh năm 1989. Địa chỉ: Đ, thôn Q, xã A, thành phố Hà Nội.

+ Ông Nguyễn Đắc T2, sinh năm 1989. Số CCCD:

Nơi thường trú: Thôn Q, xã A, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Đắc T2 liên đới cùng Công ty A thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M.

Ông Nguyễn Đắc T2 và Công ty A cùng liên đới trả nợ Công ty M số tiền nợ gốc, phạt vi phạm số tiền chậm thanh toán và tiền lãi là 478.875.104 đồng (*Bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm linh bốn đồng*) trong đó:

- Số tiền nợ còn lại của Hợp đồng dịch vụ số 0910/2023/HĐDV/VENUS-MARTECH ngày 09/10/2023 là 359.791.360 đồng.

- Số tiền phạt vi phạm là 8% trên tổng số tiền chậm thanh toán (nghĩa vụ theo hợp đồng bị vi phạm) là 28.783.308 đồng.

- Số tiền lãi tạm tính đến ngày 13/6/2026 là: 90.300.436 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí:

Ông Nguyễn Đắc T2 và Công ty A tự nguyện chịu số tiền 11.570.000 đồng (Mười một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009998 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 8 - Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị An